TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Cương.

2. Ông Hoàng Ngọc Bằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị C, sinh năm 1980; trú tại: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1941; trú tại: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3.2. Ông Vi Ngọc D, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1941; trú tại: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 13/12/2017). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị C trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyên, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06 tháng 02 năm 2006. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên say rượu, không quan tâm đến gia đình, chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe và anh T đã có những lời lẽ xúc phạm đến chị. Đến năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng xẩy ra, nguyên nhân chính vẫn do anh T thường xuyên say rượu, thiếu sự quan tâm đến gia đình nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Nay chị xác định kông còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu lớn là Hoàng Trọng A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2007; cháu bé là Hoàng Ngọc E, sinh ngày 8 tháng 3 năm 2016. Chị C yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị tạo dựng được tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 diện tích 60m^2 trị giá là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Ngôi nhà xây dựng trên diện tích đất 2311m^2, thửa số 56, tờ bản đồ số 75 tọa tại X, Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc quyền sử dụng của ông Vi Ngọc D và bà Hoàng Thị H là bố, mẹ đẻ của chị C. Anh chị đã tự thỏa thuận trước khi xét xử là chị C được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệnh cho anh Hoàng Văn T với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Tại bản tự khai, các lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T khai việc quá trình anh và chị C tìm hiểu và đi đến kết hôn như chị C trình bày là đúng. Anh thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh uống rượu, không quan tâm đến gia đình, anh đã xúc phạm chị C nhưng vẫn còn tình cảm và do muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung như chị C trình bày là đúng và anh đồng ý để chị C được trực tiếp nuôi cả 02 con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị đã tạo dựng được tài sản chung như chị C trình bày là đúng. Do anh chị đã tự thỏa thuận được nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vi Ngọc D, bà Hoàng Thị H trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết như sau: Ông, bà cho vợ chồng con gái là chị C, anh T mượn đất để làm nhà là đúng. Nay chị C, anh T ly hôn ông bà không cho đất mà yêu cầu Tòa án giải quyết ngôi nhà là tài sản chung như chị C, anh T đã thỏa thuận, ngoài ra ông, bà không có ý kiến gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xử cho chị Vi Thị C ly hôn với anh Hoàng Văn T; công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc cho chị Vi Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Trọng A và cháu Hoàng Ngọc E; đối với tài sản chung chị C, anh T tự thỏa thuận được trước phiên tòa trên cơ sở tự nguyện nên công nhận sự thỏa thuận đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân của chị Vi Thị C và anh Hoàng Văn T là hợp pháp vì được kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xẩy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc này đã đươc chị C, anh T xác nhận nên việc chị C yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no nhưng cuộc hôn nhân của anh T, chị C đã xẩy ra trầm trọng, là căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn do đó việc anh T yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Trọng A và cháu Hoàng Ngọc E. Anh T và chị C tự thoả thuận chị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận của anh chị có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp về điều kiện mọi mặt để nuôi dậy các cháu nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung: Việc anh T, chị C tự thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị C phải chịu án phí sơ thẩm. Chị C và anh T không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch vì anh chị đã tự thoả thuận được về phần tài sản trước khi Tòa án tiến hành hòa giải.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị C. Xử cho chị Vi Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2- Về con chung: Chị Vi Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Trọng A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2007 và cháu Hoàng Ngọc E, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2016 đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc chị Vi Thị C được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 60m^2 trị giá là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) nằm trên diện tích đất 2311m^2, thửa số 56, tờ bản đồ số 75 tọa tại X, Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc quyền sử dụng của ông Vi Ngọc D và bà Hoàng Thị H. Chị C có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệnh cho anh Hoàng Văn T với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

4- Về án phí: Chị Vi Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Vi Thị C đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04760 ngày 07/12/2017. Trả lại cho chị Vi Thị C 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04771 ngày 20/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện Chi Lăng;
- Đương sự;
- UBND xã Thượng Cường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Trương Thị Hương Giang